**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

***Hòa Thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng***

***Năm 2014***

# **TẬP 64**

*Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.*

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật Đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại Kinh Khoa Chú**” trang 277, đếm ngược hàng thứ bảy, xem mục thứ ba “Bố ma”: “**Như kinh Niết Bàn nói**: **Tánh ma cấu tệ**”. Theo Trung Hoa đại tự điển, chữ “Cấu” có tám nghĩa, một nghĩa trong số ấy. Chúng ta ngay chỗ này, với tám ý nghĩa thì có một nghĩa tương ưng với nghĩa trong kinh, đó chính là “Ác”. “Cấu” không phải thiện, nó là ác, có sự ganh ghét hơn thua, “ác” ở những điểm nào? Phía sau có nói rõ cụ thể ra rồi. Thứ nhất là “***Kỵ người hơn mình***”, bất kể ai mà hơn mình, về mặt trí huệ, đức hạnh hay năng lực, liền sanh lòng đố kỵ. Cho nên, ganh ghét người khác hơn mình, thấy ai hơn mình “***Lòng sanh kinh hãi***”.

Trong tâm của họ bất an, luôn sợ người khác hơn mình, nghĩ đủ mọi cách để gây cản trở chướng ngại người ta. Loại đố kỵ chướng ngại này làm dấy lên sự sợ hãi, lại sợ người ấy giáo hóa nhiều chúng sanh, lại sợ người đó nếu là đồng môn của chúng ta, đều là đệ tử Phật. Người đó giáo hóa chúng sanh có nhiều tín chúng, nhiều người đến nghe. Cái này đối với họ mà nói cũng dễ dẫn khởi lòng đố kỵ. Mà thật sự lo sợ, sợ tương lai số đệ tử này sẽ đi theo người đó thì tín chúng, đệ tử của mình ở nơi đây sẽ ít đi. Cái này cũng dấy lên nỗi bất an lo sợ trong họ, những điều này chúng ta rất dễ nhận ra. Tâm lượng quá nhỏ hẹp, không thể bao dung người khác.

Dùng đủ mọi phương pháp để chướng ngại cản trở người ta, làm như vậy có ảnh hưởng gì đến người đó không? Không ảnh hưởng, nhưng lại ảnh hưởng rất lớn với mình, chính mình lại tạo nên tội nghiệp. Nếu như người đó là một người xuất gia, giống như mình vậy, thế thì coi như anh “**Phá hòa hợp tăng**”. Nghiệp báo của “Phá hòa hợp tăng” là Địa ngục Vô Gián. Không phải người khác đẩy bạn vào Địa ngục Vô Gián, mà là tự mình tạo nghiệp Vô Gián Địa ngục. Nếu như là người chân thật minh bạch, thấy người khác hơn mình, phải hoan hỷ tán thán. Người khác giảng kinh còn rõ ràng, minh bạch, thấu triệt hơn ta. Không nhưng ta, không chướng ngại, không đố kỵ, ta càng vui mừng; họ giảng kinh thì ta không giảng, ta mang số thính chúng của mình cùng đến nghe họ giảng. Đó là gì? Là **“Tăng khen Tăng”**, Tăng khen Tăng thì Phật Pháp hưng. Đây là công đức, công đức này tuyệt không thấp hơn công đức giảng kinh của pháp sư đó.

Bạn thấy đó, chỉ trong khoảng một niệm là tội, là phước đều phơi bày rõ ràng ngay trước mặt. Tất cả đừng nghĩ cho mình, vì mình mà nghĩ không thứ nào không phải nghiệp, không thứ nào không phải tội. Hãy vì Chánh pháp thường trụ mà nghĩ, vì chúng sanh đắc độ mà nghĩ. Vì Chánh pháp Như Lai thường trụ thế gian này mà nghĩ, sẽ không bao giờ tạo nghiệp. Còn tính toán gì nữa! Ai cũng hơn tôi, tôi hoan hỷ; ai không bằng tôi, tôi sẽ đau lòng!

Giáo dục của Trung Quốc thời xưa, gốc được cắm rất vững; từ nhỏ đã không cho phép có tâm đố kỵ rồi. Người mẹ dạy con rất tốt, mẹ thường dạy dỗ con nhỏ; phải ấp ủ cái tâm thành toàn cho người khác, đây là việc làm chính xác. Người khác hơn ta, ta phải theo họ học hỏi, coi họ như thầy, thế thì đúng rồi. Làm ảnh hưởng chúng của vị thầy đó, dù tuổi tác xấp xỉ nhau hay thậm chí tuổi vị thầy đó có nhỏ hơn ta đi chăng nữa; nhưng người đó giảng kinh cũng khá hoặc giảng rất hay, ta phải thường xuyên đến nghe thầy đó giảng. Vì sao? Đó gọi là cổ động, làm ảnh hưởng chúng. Để một số người mới học Phật thấy, anh xem người đó người nọ, đại đức, lão cư sĩ với lão pháp sư đều đến nghe, nhất định là giảng không tệ rồi; để mọi người tăng thêm niềm tin. Mọi thứ đều là vì Chánh pháp, không phải vì một ai đó, đây mới là việc làm chính xác.

Thuở còn trẻ khi chúng tôi giảng kinh, lão Hòa Thượng đến nghe, lão cư sĩ cũng đến nghe, đó đều là làm ảnh hưởng chúng. Trí huệ, học vấn, đạo đức, tu trì của các vị đó, tôi quả thật không bằng. Vậy tại sao các vị đó vẫn đến nghe kinh? Vì để Phật Pháp hưng thịnh, cũng vì để chúng ta có thể xuất đầu lộ diện. Cái này gọi là cổ động, tâng bốc chúng ta lên, chính là thành tựu Phật Pháp. Chúng ta thấy rồi, đến khi bản thân chúng ta có được một chút thành tựu. Pháp sư trẻ lên giảng kinh, ta có cần đi nghe không? Cần, như vậy mới có thể “làm nở mày nở mặt” những người trẻ tuổi. Đây là quy củ của người xưa, nên làm như vậy thì nhân tài trong cửa Phật mới có thể hưng khởi lên được. Nếu như đố kỵ chướng ngại, Phật Pháp liền bị diệt vong. Sự hưng suy của Phật Pháp là cả một vấn đề lớn, chuyện riêng của một người chỉ là chuyện rất nhỏ. Nên lòng đố kỵ chướng ngại sẽ làm hỏng chuyện, đố kỵ chướng ngại gây ra tội nghiệp vô cùng nghiêm trọng, không thể không biết.

Phần sau có đưa ra một ví dụ, đó là Ma Vương: “**Nếu người xuất gia thọ giới, yết ma thành tựu**”, yết ma này chính là y theo nguyên tắc mà thọ giới. Nương theo phép tắc, chiếu theo chế độ, Pháp sự này làm viên mãn rồi; “Thành tựu” tức là “Viên mãn”. Lúc đó “Địa Hành Dạ Xoa” tán thán “Không Hành Dạ Xoa”, nghe được cũng hoan hỷ tán thán. Tầng trên có Thiên Hành Dạ Xoa: “**Lan truyền nhau khen ngợi**; **tiếng đồn lên đến tầng trời thứ sáu của cõi Dục Giới**”, là tầng trời Tha Hóa Tự Tại. Thiên chủ của trời Tha Hóa Tự Tại chính là Thiên Ma Ba Tuần, chúng ta cũng gọi là Ma Vương-Chúa tể của trời thứ sáu. Bạn liền biết phước đức của người đó lớn đến cỡ nào, nhiều đời nhiều kiếp tu phước báu, được quả báo làm vua cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên. Do tâm lượng của họ nhỏ hẹp, nơm nớp lo sợ cõi Dục Giới nơi họ cai quản. Cõi Người của chúng ta cũng thuộc về cõi Dục Giới, đều là do ông ta thống trị. Người này muốn xuất gia làm Tỳ kheo, trong tâm ông ta không vui, vì sao? Vì người xuất gia này tương lai sẽ nhập Niết Bàn, thoát khỏi sáu nẻo luân hồi. Đây là việc mà ông ấy không muốn nghe nhất, không muốn thấy nhất. cho nên, bạn phát tâm muốn xuất gia, họ sẽ đến ngăn cản.

Thích Ca Mâu Ni Phật trong “Bát tướng thành Đạo” có hàng ma. Con quỷ đó chính là ở trời thứ sáu, nó cùng đủ mọi cách đến nhiễu loạn Ngài. Trên thực tế đến để dụ hoặc, nếu tâm bạn không đủ kiên định, bạn sẽ mắc lừa chúng ngay. Lúc thì uy hiếp, lúc thì dụ dỗ cái nào cũng có. Một khi bạn động tâm thì coi như xong rồi, bạn liền trở thành tù binh của Ma Vương. Tu hành cả đời này của bạn đều không thể thành tựu, vẫn là trở về Lục đạo luân hồi y như cũ; đồng nghĩa Ma Vương chiến thắng bạn mất rồi! Cho nên, ý nghĩa thứ ba của từ “Tỳ kheo” là “Bố ma”. Tỳ kheo, nếu thật sự thành tựu vượt thoát sáu nẻo luân hồi, Ma Vương sẽ rất đau đầu, lại thêm một người ra đi nữa rồi. Đây chính là ý nghĩa của từ “Bố ma”. Tỳ kheo là “Khất sĩ, Khất thực, Khất pháp”; phá ác, phá kiến tư phiền não, vượt khỏi Tam giới khiến cho Ma Vương hoảng sợ.

Phần sau là giải thích cho chữ “**Đại**”,“Đại”tiếng Phạn là “Ma ha”. “Ma ha” cũng có ba nghĩa: Có lớn, có nhiều, có thắng. “Thắng” là thù thắng, “Đại” là “**Như A Di Đà sớ sao giảng**; **Thiên Vương**, **đại nhân cùng kính ngưỡng**, **do đức chẳng nhỏ nên gọi là đại**”. Người này gọi là đại Tỳ kheo, không những vua trời cõi Dục mà cả vua cõi Sắc Giới lẫn trời Ma Hê Thủ La đều rất tôn kính người “Tu hành trì giới”. Mọi người cùng kính ngưỡng, đương nhiên họ là những người có đức hạnh. Không phải chỉ là đức hạnh nhỏ bé, mà là đức hạnh cao vời, nên cảm được Thiên Vương và mọi người tôn kính.

Tịnh Ảnh Sớ chép, trong bộ “Tịnh Ảnh Sớ” có nói: “**Đức cao quý mênh mông hơn hẳn kẻ cận học khác**”. “Quá” nghĩa là vượt khỏi, dư; ý là nói những người khác. “Cận học” có ý là người vừa mới sơ học, tuy đã học rồi nhưng trí huệ chưa khai mở, đức năng vẫn còn có hạn. “Đức cao” nên gọi là “Đại”. Đức cao, thế nào là “Cao”? Là “lão thật, nghe lời, thật làm”, đây chính là “Đức cao”. Cái này người bình thường không có; chỉ cần đầy đủ loại đức hạnh này, họ nhất định có thành tựu. Đây là bậc đại đức, đáng được xưng tán, khích lệ đại chúng học hỏi theo họ.

“**Đa là Nội điển**, **Ngoại tịch không sách vở nào chẳng thông suốt rộng rãi**; **chẳng phải là kẻ hiểu biết ít ỏi**”, học nhiều hiểu rộng, đây gọi là “Đa”. “Nội điển” là chỉ kinh điển của Phật; “Ngoại tịch” là những Điển Tịch nằm ngoài kinh điển của Phật, không thứ nào chẳng thông suốt. “Bác” là học rộng, thông là thông suốt, đây được gọi là “Đa”. Không phải kẻ hiểu biết ít ỏi, “Quả” là ít, lý giải cạn cợt, không nhiều; còn họ là thông tường mọi thứ. “Thắng” là trỗi hơn hẳn, vượt hơn những kẻ học khác. Đặc biệt là 96 ngoại đạo của Ấn Độ, đây là những tôn giáo và học phái của Ấn Độ. Nếu vượt hơn những tôn giáo và học phái đó, đây gọi là “Thắng”; ngoài ra, “Phật Địa Luận” còn có ba nghĩa nữa. “Đại” có ba nghĩa “Một là lợi căn tột bực, là Chủng tánh Ba la mật”, là người cực kỳ lợi căn, đó là người nào? Chúng ta thường nói là bậc thượng thượng căn, một nghe ngàn ngộ, chứ không chỉ nghe một biết mười.

Còn một loại khác là giống như đồ đệ vá nồi của lão Hòa thượng Đế Nhàn, hay như pháp sư Hải Hiền: Không biết chữ, chưa từng đi học. Những người này là người lợi căn tột bậc, vì sao? Vì họ “Thật thà, nghe lời, thật làm”, sư phụ truyền cho họ một pháp môn, họ có thể không chút hoài nghi mà kiên định đến cùng. Không cần mất rất lâu là họ đã có thể khế nhập cảnh giới. Chữ “Khế nhập” này chính là “Minh tâm kiến tánh”, thành tựu đức hạnh lớn lao; giống như phía trước có nói “Nội điển, Ngoại tịch”, họ không cần học. Khi “Đại triệt đại ngộ”, bạn cầm những sách này, bạn đọc cho họ nghe, họ liền có thể giảng giải cho bạn, toàn bộ họ đều thông suốt hết, đây là “Lợi căn tột bậc”. Do đó liền biết, lợi căn tối cực, mỗi người đều có phần, một chút cũng không phải điều hiếm lạ, mỗi người đều như vậy cả. Nhưng căn tánh của chúng ta, hiện thời đã trở thành người “Độn căn”, trở thành người “Độn căn tột bậc”, vì sao? Vì đánh mất đi tín tâm. Không tin chính mình là người có căn tánh cực kỳ lanh lợi, không tin mình vốn dĩ là Phật, không tin bản thân có Phật tánh. Đó cũng đành bó tay hết cách!

Giảng kinh dạy học, nghe được mấy lời này của Phật; nghe rõ ràng rồi, nhưng họ nghĩ thế nào? Đây không phải nói tôi, tôi không phải người lợi căn. Đây là nói người khác đấy chứ, bản thân mình lại không dám thừa nhận. Hay nói cách khác, Như Lai nói kinh này, bản thân họ không được thọ dụng. Ai được lợi ích vậy? Người dám thừa nhận thì người đó có ích lợi. Khẳng định đây là Phật nói cho tôi, người đó ắt được thọ dụng. Những thứ này Phật không phải nói dành cho tôi, mà là nói cho người khác, người đó không đạt được thọ dụng. Chúng ta từ những chỗ này phải tỉ mỉ quan sát, Phật là Pháp bình đẳng, Pháp bình đẳng là thật; có cao có thấp là giả. Cho nên, thành tựu của Phật Pháp nằm ngay buông xả. Khoảnh khắc đốn xả liền đốn hiện ngay lúc đó, bạn xả được bao nhiêu thì chứng được bấy nhiêu. Xả kiến tư phiền não, không còn chấp trước, liền chứng A La Hán; xả trần sa phiền não, liền thành Bồ Tát; xả căn bản vô minh, tức là khởi tâm động niệm; không khởi tâm, không động niệm, chúc mừng bạn, bạn liền thành Phật. Đó chính là đại triệt đại ngộ, đó chính là minh tâm kiến tánh. Ai có phần? Ai cũng đều có phần, chỉ là không chịu thừa nhận. Cái này Phật cũng hết cách, Phật chỉ còn biết chờ, đợi đến khi bạn giác ngộ, lúc đó bạn sẽ chịu thừa nhận. Phật rất có tâm nhẫn nại, dẫu có đợi vô lượng kiếp Ngài cũng đợi. Bởi thế, lúc này chúng ta phải biết, người người đều là lợi căn tột bậc; còn là “**Chủng tánh Ba la mật đa**”, Ba la mật đa là trí huệ, là trí huệ cứu cánh.

“**Hai là đắc quả vị Vô Học**”, Vô Học là A La Hán; hay nói cách khác, ai nấy đều có thể chứng quả A La Hán, ai nấy đều có thể siêu việt sáu nẻo luân hồi ngay trong đời này, bạn có chịu không? Điều kiện vượt thoát sáu nẻo luân hồi rất đơn giản, không còn chút lưu luyến nào với sáu nẻo liền có thể ra khỏi. Nếu vẫn còn tham luyến sáu nẻo, không thể hoàn toàn buông xả, vậy bạn không thể thoát ly rồi. Đến khi bạn tu hành khá hơn một chút, Ma Vương Ba Tuần sẽ đến thị hiện, thị hiện cái gì? Là “Tài, sắc, danh, lợi”, dùng những thứ này để dụ dỗ bạn. Chỉ cần bạn khởi lên lòng tham, một trong số đó, dấy lên suy nghĩ đó, Ma Vương coi như chiến thắng, bạn ra không nổi Lục đạo luân hồi. Điểm này, chúng ta không thể không biết! Đây cũng là ý nghĩa của từ “Đại”.

“**Ba là đắc Tiểu quả rồi**, **tiến lên đại Bồ Đề**”, đắc được Tiểu quả nhưng không dừng ở đó; ngay lập tức hồi tiểu hướng đại, học Đại Thừa, đại Bồ Đề là Đại Thừa. “**Do ba nghĩa trên đây nên gọi là đại**”, “Đại” có ba nghĩa như thế. “**Ngài Gia Tường lại bảo**: **Đại có ba nghĩa**”, chú giải kinh Vô Lượng Thọ của sư Gia Tường, chủ giải của Ngài còn gọi là “Nghĩa Sớ”. Ngài giải thích chữ đại này như sau: “***Một là sanh sự hiểu biết lớn lao***”, thật sự rõ ràng, minh bạch rồi. Đối với cái gì sanh sự hiểu biết lớn lao mới gọi là đại giải vậy? Chữ “Đại giải” này chính là trực tiếp chỉ cho Tịnh tông, vì sao? Tịnh tông “Đại giải” rồi, đời này của bạn được thọ dụng.

Hiểu biết sâu rộng những Kinh luận khác, chưa chắc có thể giúp bạn thoát khỏi sáu nẻo luân hồi ngay trong đời này. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch về Tịnh Độ, bạn sẽ “***Thật tin, nguyện thiết, nhất hướng chuyên niệm***”, bạn liền thành công. Bachữ “Đại” này đứng bên nhau là “Phá đại ác”, chứng “Đại quả”. Đại ác là gì? Đại ác là không thể buông bỏ luân hồi. Trong “Thất tình Ngũ dục”, mà có một thứ bạn không buông nổi cũng không được. Nói một cách cụ thể, đại ác chính là “Tham, sân, si, mạn, nghi, Tư hoặc”; thêm một thứ nữa là “Ác kiến”, đó chính là “Kiến tư phiền não”. “Ác kiến” là kiến hoặc, “Tham, sân, si, mạn, nghi” là tư hoặc, đây là đại ác.

Chứng Đại quả, Đại quả là Đại Bát Niết Bàn, vãng sanh Thế Giới Cực Lạc coi như chứng Đại quả, bảo đảm cho việc chứng Đại quả của bạn. Bởi vậy, niệm Phật vãng sanh quan trọng biết dường nào, không thể không biết. Đệ tử Di Đà, chân thật là đệ tử Di Đà phải “Tín, Nguyện, Trì Danh” không lúc nào ngừng. Mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đều khen ngợi bạn; Thiên Vương đại nhân cũng cung kính lễ bái bạn, vì sao? Vì họ biết, đời này của bạn sẽ thành Phật.

“**Do những điều trên ta thấy**, **đại Tỳ kheo là bậc Tỳ kheo đức cao vọng trọng**; **từ Tiểu Thừa hướng đến Đại Thừa**, **là bậc tôn túc trong các Tỳ kheo**”, chúng ta thông thường bảo là “Trưởng lão”, là Trưởng lão trong chúng Tỳ kheo. Tuổi tác lớn rồi thì gọi là Trưởng lão, tuổi tác nhỏ nhưng họ có đức hạnh của một bậc lớn tuổi, vẫn gọi họ là Trưởng lão, đây là xét về mặt đức hạnh mà nói. Trong kinh, chú có rất nhiều danh từ thuật ngữ, có đồng học soạn nó thành tư liệu tham khảo. Thượng-hạ, hai quyển, phân lượng khá nhiều; cung cấp cho các đồng tu làm nguồn tham khảo cho việc học. Làm rất tỉ mỉ, hết sức tiện ích trong việc học kinh Vô Lượng Thọ của chúng ta. Cho nên có nhiều danh từ học thuật, tôi không nói cặn kẽ, mà tỉnh lượt bớt. Có nguồn tư liệu này, đồng học đều có thể lấy.

Phần sau là số người: “**Một vạn hai ngàn người câu hội**”, đây là chuyên môn “**Nói về số lượng các vị Tỳ kheo**”. Trong “Hội sớ” của Nhật Bản viết “**Các kinh thường nêu một ngàn hai trăm năm mươi người**”, chúng ta thấy trong rất nhiều kinh Phật. Khi bạn mở kinh ra xem, đều nói số người là“Đại Tỳ kheo một ngàn hai trăm năm mươi người”. Một ngàn hai trăm năm mươi người này là chúng thường tùy bên cạnh Phật Thích Ca, đoàn thể này không bao giờ rời khỏi đức Phật. Họ là đệ tử của Phật, đương nhiên đều là biểu pháp. Trong một ngàn hai trăm năm mươi người này, chúng ta có thể nói, người nào cũng là người tái lai, đều là bậc tu hành chứng quả. Các ngài đến làm gì? Đến để biểu pháp. Không phải người tái lai làm sao có thể bằng lòng? Theo Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời được; nhất định phải tiễn Ngài vãng sanh. Ngài không vãng sanh, họ vĩnh viễn không bao giờ rời khỏi.

Cho nên, các ngài đều là người tái lai để chúng ta từ chỗ này có thể thấy. “**Một Phật xuất thế, ngàn Phật theo hộ**”, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật tại cõi này, tất cả chư Phật nhìn thấy. Những vị có duyên với Thích Ca Mâu Ni Phật, trong đời quá khứ đã từng cùng nhau học tập. Vừa thấy đồng tham đạo hữu thị hiện thành Phật, tốt quá! Chúng ta cùng đi hiệp trợ, cùng đến góp vui, đến để cổ động, đến làm đệ tử của Ngài. Thật chất, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Phật Thích Ca có nói, họ đều là cổ Phật tái lai; họ còn thành Phật trước cả Phật Thích Ca, vì sao? Vì họ đến là để cổ động; để cho vở tuồng này, cái biểu pháp này được hoàn thành một cách hoàn hảo nhất; để hết thảy đại chúng tiếp xúc được đều sanh tâm hoan hỷ. Không phải người phàm, nhưng thị hiện thành người phàm, hỗ trợ Phật giáo hóa chúng sanh. Ở trên đài biểu diễn, vai chính chỉ có thể có một người, không thể quá nhiều được, mọi người đều đến đóng vai phụ.

Từ chỗ này nhìn ra được “**Phật Phật đạo đồng**”, Phật từ bi vô cùng vô tận. Chúng ta đối với một ngàn hai trăm năm mươi lăm người này, có năm người đứng riêng lẻ vẫn chưa được viết vào, thì ta nên nhìn nhận chuyện này như thế nào? Đó đều là Thích Ca Mâu Ni Phật. Ví như ở trong cái hội Tịnh Độ này đều là A Di Đà Phật, như thế chúng ta sẽ được lợi ích, được lợi gì? Lợi ích không gì sánh bằng. Điều thù thắng nhất chính là “Tín tâm phát khởi” rồi, “Nguyện tâm hiển bày” rồi, quyết định “Đắc sanh Tịnh Độ”, quyết định làm học trò của A Di Đà Phật. Dưới hội của đức Di Đà, chứng đắc vô thượng Bồ Đề cứu cánh viên mãn. Sau khi chúng ta thành Phật rồi thì hoàn toàn tương đồng với chư Phật Như Lai, cùng nhau tán thán, cùng nhau biểu diễn. Chúng sanh ở nơi nào đó, mà mối duyên giữa ta và họ chín muồi rồi. Nếu nên dùng thân Phật mà độ được họ, thì ta liền hiện thân Phật.

Chư Phật Như Lai thị hiện làm đệ tử, thị hiện làm hộ pháp, thị hiện thành trưởng giả cư sĩ, hộ trì Chánh pháp. Độ chúng sanh không chỉ có mỗi một vị Phật mà rất nhiều vị Phật cùng nhau làm, khiến chúng sanh sanh lòng hoan hỷ; chúng sanh chưa liễu giải được chân tướng sự thật. Cái đoàn thể lớn này toàn là chư Phật Như Lai, các ngài dùng thiện xảo phương tiện mà thành tựu cho tất cả.

“**Kinh này và kinh Pháp Hoa lại nói một vạn hai ngàn người**. **Đó là do bổn hoài xuất thế**, **là pháp hội thù thắng cả một đời**; **nên Thập phương đại đức đều như mây nhóm đến**”. Thật vậy, bổn hoài của Như Lai là giáo hóa chúng sanh đồng chứng vô thượng Bồ Đề, đó là gì? Là kinh Pháp Hoa. Cổ đại đức ở Trung Quốc có câu nói gọi là: “***Pháp Hoa thành Phật***, ***Lăng Nghiêm khai huệ***”. Trong mọi bộ kinh, Pháp Hoa biểu thị cho thành Phật, Lăng Nghiêm đại biểu cho khai mở trí huệ. Kinh Pháp Hoa là bổn hoài của Như Lai, nó nói về cái gì? Chính là “Hội Tam Thừa thành Nhất Thừa”. Trong kinh Pháp Hoa, Thế Tôn tuyên bố: “A hàm, Phương Đẳng và Bát Nhã” mà Ngài đã nói trước kia, đều là nói phương tiện mà thôi.

“**Chỉ có pháp Nhất Thừa**, **không hai cũng không ba**, **trừ Phật phương tiện thuyết**”, Ngài giảng kinh Pháp Hoa là bổn hoài của Ngài, để bạn thành Phật. Ngay cả Nhất Xiển Đề cũng có Phật tánh; trước kia chưa từng nói như vậy. Nhất Xiển Đề là người có căn tánh đặc biệt tệ hại, không thể nào thành Phật được. Trong hội Pháp Hoa lại nói, Nhất Xiển Đề cũng có thể thành Phật. Trước kia chỉ là nói phương tiện, bây giờ mới nói lời thật với bạn. Kinh Vô Lượng Thọ giảng “**Một đời thành Phật**”. Đó chân thật, là bổn hoài xuất thế; so với Pháp Hoa, nó còn thù thắng hơn. Bạn xem, Pháp Hoa vẫn còn phải đi qua. Sự huân tập từ A Hàm, Phương Đẳng đến Bát Nhã mới có thể đạt được. Kinh Vô Lượng Thọ không cần huân tập gì hết, trực tiếp thành tựu ngay.

Một câu “Danh hiệu” là “Một đời thành Phật”. Trong đời này phải mất thời gian bao lâu? Kinh Di Đà đã nói rằng: “**Hoặc một ngày**, **hoặc hai ngày**, **hoặc ba ngày**, **hoặc bốn ngày**, **hoặc năm ngày**, **hoặc sáu ngày**, **hoặc bảy ngày**”. Đây là bổn hoài trong bổn hoài, không cần mất quá nhiều thời gian. Trước ngày thứ bảy, thì sáu ngày trước là số tự. Số bảy đằng sau không phải số tự, số bảy đằng sau là đại biểu viên mãn. Ngày nào bạn thành tựu thì ngày đó gọi là “Đệ Thất”. Một năm thành tựu thì năm đó gọi là “Thất”, ba năm thành tựu thì ba năm gọi là “Thất”, là ý nghĩa viên mãn, nhất định thành tựu. Ba ngày thành tựu, chúng ta thấy Oánh Kha pháp sư. Ngay trong thời này cũng có trường hợp ba ngày là thành tựu, mới hơn 20 năm trước. Tôi nhớ hình như là vào năm 1984, lần đầu tôi đến Mỹ là vào năm 1982; lần thứ hai là năm 1983, Maryland thành lập một Hiệp hội Phật giáo Hoa Phủ. Có lẽ là đến năm thứ hai, năm 1984, gặp được cư sĩ Chu Quảng Đại, cả nhà ông không có tín ngưỡng tôn giáo. Chu Quảng Đại vướng phải căn bệnh trầm trọng, đó là ung thư. Bệnh viên tuyên bố từ bỏ điều trị, để người nhà ông đưa ông về, nói với mọi người rằng:

- “*Ông ấy chỉ còn sống được khoảng một tháng*”.

Lúc này, người nhà ông chạy đôn chạy đáo cầu thần, xem quẻ, hy vọng có kỳ tích xuất hiện. Sau cùng tìm đến Hội Phật giáo của chúng tôi, Hội Phật giáo của chúng tôi bèn cử bốn đồng tu đi qua đó xem thử.

Họ gọi điện về nói với tôi, họ bảo:

- “*Quả thật không dễ gì qua khỏi rồi*”.

- “*Vậy hãy khuyên ông ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ*”, tôi nói.

Không ngờ, Chu Quảng Đại vừa nói ông liền tin ngay, ông chịu tiếp nhận, nói với người nhà:

- “*Không cần tìm bác sĩ*, *cũng không cần tìm thuốc nữa*”.

Mọi người thảy đềucùng với các Phật hữu bên chúng tôi niệm Phật, trợ niệm để giúp ông vãng sanh. Chúng tôi cứ bốn người một tổ, chia thành ba tổ, cả thảy mười hai đồng học, trợ niệm ngày đêm không nghỉ. Ba ngày ba đêm thì ông vãng sanh, tướng lành vô cùng tốt. Bạn xem, ba ngày, không hề khó. Vấn đề là ở thật tin, thật nguyện, thật chịu buông xả. Ngay cả thọ mạng cũng đều buông bỏ, không mong hết bệnh, chỉ cầu vãng sanh; thân tâm thế giới thảy đều bỏ hết. Cảm ứng bất khả tư nghì! Cho nên một bộ kinh này, pháp môn này, là “Bổn hoài trong bổn hoài”. Khi Như Lai xuất thế “**Là pháp hội thù thắng cả một đời**”. Đại hội thù thắng vô song, “**Nên Thập phương đại đức đều như mây nhóm đến**”, có một vạn hai ngàn người cùng tề tựu lại. Chữ “Câu” có nghĩa là cùng nhóm đến, số người tham dự đã nói rõ rồi.

Đoạn phía sau là: “Thán đức nêu danh”. Phần trước chỉ nói đến số người, rốt cuộc là những người nào chưa được liệt kê ra; thì ở chỗ này lại giới thiệu tường tận hơn: “**Hết thảy Đại thánh**, **thần thông đã đạt**”, câu này không thể chỉ xem lướt qua. Tất cả một vạn hai ngàn người này là bậc Đại thánh “**Thần thông đã đạt**”. Chúng ta xem chú giải của cụ Hoàng Niệm: “**Hai câu trên là khen ngợi đức của chư đại Tỳ kheo. ‘hết thảy’ là tiếng để bao gồm tất cả sự vật. ‘Hết thảy’ còn có nghĩa là khắp cả”, ý là phổ biến. Mọi thứ đều bao hàm trong đó, thì gọi là: Hết thảy**”; “Hết thảy Đại thánh” là lời khen ngợi. Những người tham gia Đại hội lần này, không phải người thông thường.

“**Gia Tường Sớ giảng**: **tâm dạo nơi không lý**; **ẩn**, **hiển khó lường**; **nên gọi là Thánh nhân**”, bậc Đại thánh. “Không lý” là gì? Chính là “Đại Bát Niết Bàn”, cũng tức là “Chân như tự tánh”, các ngài chứng được rồi. “Ẩn, hiển” không thể suy lường, “Ẩn” là không hiện. Lúc Huệ Năng đại sư khai ngộ, Ngài nói rằng: “**Nào ngờ tự tánh**, **vốn tự đầy đủ**”. “**Vốn tự đầy đủ**” chính là “Ẩn”, “**Năng sanh vạn pháp**” là “Hiển”. Những bậc Đại thánh này đều có trình độ công phu như vậy, đó chính là Pháp thân đại sĩ không phải người thường. Các ngài thị hiện thành Thanh Văn, thị hiện thành cư sĩ, thành cư sĩ nữ, thị hiện làm người hộ pháp, toàn là Pháp thân Bồ Tát “*Minh tâm kiến tánh*”. Ở trong Đại hội này, các ngài đến để phối vai diễn cùng Phật, cho nên gọi các ngài là Thánh nhân.

**“Hội sớ viết**”, đây là trong kinh Phật thường nói: “**Từ Sơ quả trở lên**”, đều là gọi Thánh nhân. “Đã cùng tột quả đại A La Hán”, chữ “Cứu” này là cứu cánh, mãi cho đến khi đạt đến mức cứu cánh. Đại A La Hán, thì gọi là “Đại thánh”. Đại A La Hán thì khác hẳn, các ngài không phải Tiểu Thừa A La Hán, mà là Đại Thừa A La Hán. “A La Hán” dịch là “Vô Học”, tức là đã tốt nghiệp rồi. Tốt nghiệp Tiểu Thừa gọi là A La Hán, tốt nghiệp Đại Thừa thì gọi là đại A La Hán. Tốt nghiệp Đại Thừa nghĩa là “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, người như vậy thì xưng là đại A La Hán. Thông thường, Tiểu Thừa A La Hán đã đoạn dứt kiến tư phiền não, siêu việt sáu nẻo luân hồi, người này gọi là A La Hán. Các ngài không phải phàm phu, các ngài đã siêu việt rồi, ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Phàm phu thì không cách gì thoát khỏi Lục đạo luân hồi, cho nên gọi là “Phàm phu sáu nẻo”. Những cách gọi như thế trong kinh điển, chúng ta nên hiểu được ý nghĩa của chúng.

Từ Sơ quả trở lên đều gọi là Thánh nhân, Sơ quả gọi là Tiểu thánh. Vì sao xưng là Thánh nhân? Họ tuy chưa ra khỏi sáu nẻo luân hồi, nhưng thời gian để họ thoát khỏi sáu nẻo luân hồi đã được ấn định rõ ràng, nên xưng họ là Thánh nhân. Không như phàm phu sáu nẻo, họ muốn ra khỏi sáu nẻo luân hồi dường như là chuyện xa vời, đây gọi là phàm phu. Thánh nhân Sơ quả sau khi chứng đắc Sơ quả, khi còn ở trong vòng Lục đạo luân hồi, nhưng tuyệt đối không bị đọa vào ba đường ác. Họ chưa ra khỏi sáu nẻo luân hồi, nhưng trong sáu nẻo ấy, họ chỉ ở cõi Người và cõi Trời mà thôi. Cứ bảy lần qua lại như thế thì ra khỏi, cho nên họ có kỳ hạn. Cõi Người thọ mạng đến rồi thì sanh lên trên trời tiếp tục tu hành; trên trời thọ mạng đến rồi lại sanh xuống nhân gian. Nhân gian trên trời cứ thay nhau qua lại bảy lần như thế, thì họ chứng được quả A La Hán. Cứ mỗi lần qua lại thì nâng lên một cấp. Sau khi chứng được Sơ quả, một lần qua lại thì chứng Nhị quả tư đà hàm. Lại tới lui thêm một lần nữa thì chứng Tam quả A Na Hàm; lần sau cùng thì chứng A La Hán. Bảy lần trở qua, trở lại như vậy thì thành công. Trong bảy lần này có Tứ quả Tứ hướng, Tứ quả Tứ hướng không kể cả Sơ quả hướng trong đó.

Từ Sơ quả trở lên mới tính vào, tức là bảy lần. Bởi vậy nên đều gọi là thánh giả, thánh giả ở chỗ này là chỉ cho đại A La Hán, chúng ta liền hiểu rất rõ. Các ngài là bậc Đại Thừa Vô Học, Đại Thừa Vô Học là bậc đã “Minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ”, chính là 41 địa vị Pháp thân đại sĩ. Trong cõi Thật Báo, những người thuộc vào hàng Ngũ này thảy đều gọi là Đại thánh.

“**Cũng có thể hiểu là ngoài hiện làm Thanh Văn**; **trong ẩn giấu hạnh Bồ Tát nên gọi là Đại thánh**”. Bên ngoài, họ thị hiện cho bạn thấy là Thanh Văn, tức Tiểu Thừa A La Hán. Trên thực tế là gì? Trên thực tế là đại Bồ Tát, là hóa thân của Pháp thân Bồ Tát. Hóa thân thành A La Hán, đến để biểu pháp giúp cho Thích Ca Mâu Ni Phật.

“**Tịnh Ảnh Sớ viết**: **Đại có hai nghĩa**, **một là địa vị cao lớn**”, đây gọi là “Đại”; một nghĩa còn lại là “**Đức thù thắng**, **nên gọi là đại**”. Đức thù thắng, đạo đức thù thắng, nên gọi là đại. “**Hiểu biết đúng đắn gọi là thánh**”, nghĩa của từ “Thánh” chính là nghĩa của từ “Hội chánh”. Chánh, tức là chánh tri chánh kiến, xa lìa những điều thiên kiến, tà vạy. Đây gọi là chánh, đây là ý nghĩa của từ “Thánh nhân” của Trung Quốc.

“**Từ những điều trên**, **ta thấy**: **Nếu từ đức mà nói**”, xét về mặt đức mà nói thì “**Khế hợp không lý**”. “Không lý” là chân lý, chân lý là không, là bất khả đắc, nên gọi là tánh không. Tánh không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. “Khế” là khế nhập. Trong Tịnh Độ gọi là “Thường Tịch Quang”, dùng ba chữ này để hình dung nó. “Thường”, không sanh không diệt thì gọi là “Thường”, nó không có sự biến đổi. Mười Pháp giới và sáu nẻo đều là pháp sanh diệt; có sanh có diệt thì gọi là “Vô thường”. Nhất chân Pháp giới không có sanh diệt, Thường Tịch Quang thì càng khỏi phải nói. Thường Tịch Quang không có sanh diệt, “Tịch” là thanh tịnh, bình đẳng thanh tịnh đến chỗ cùng cực, bình đẳng đến tột bậc. Cái này, Huệ Năng đại sư đều nói hết rồi. Bạn xem, Ngài bảo rằng: “**Nào ngờ tự tánh**, **vốn tự thanh tịnh**”, câu thứ tư lại bảo rằng: “**Nào ngờ tự tánh**, **vốn không dao động**”, vốn không dao động là bình đẳng.

Bạn xem, thanh tịnh bình đẳng, đây gọi là “Tịch”, vừa mang ý nghĩa của “Thường”, vừa mang ý nghĩa của “Tịch”. Quang, quang là gì? Là không nơi nào không có, không lúc nào không có; “Quang minh biến chiếu”, đây là tự tánh. Cho nên, năm chữ này “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác” trên đề kinh, “Giác” chính là “Quang minh chiếu khắp”, năm chữ này là chỉ cho “Thường Tịch Quang”, tức là chân như bổn tánh, bất khả đắc. Dùng một chữ “Không”, tánh không, khế hợp không lý. Ai chứng được vậy? Pháp thân Bồ Tát chứng được. Chứng được thì bảo là “Minh tâm kiến tánh”, chứng được thì gọi là “Thành Phật”, kiến tánh thành Phật.

Đây là đức, từ “Đức” mà nói: “**Hiểu đúng chánh đạo gọi là thánh**, **hoặc từ địa vị mà nói**”. Đây là xét về quả vị tu hành “**Từ Sơ quả trở lên gọi là Thánh**, **nhưng phải hồi tiểu hướng đại**, **hành Bồ Tát đạo**, **hướng thẳng đến Phật quả** (Mới gọi là tột cùng quả đại A La Hán)”, đây gọi là Đại thánh. Quả vị cứu cánh của họ là “Minh tâm kiến tánh”, là “Vô Học” trong Đại Thừa. Tốt nghiệp Đại Thừa rồi “**Hoặc là bậc đại quyền thị hiện**” cũng được gọi là Đại thánh. Những người này “Đều gọi là Đại thánh”, đặc biệt những người kể ở trên đều được tôn là Đại thánh. Thế nào là “Đại quyền thị hiện”? Tức là Pháp thân Bồ Tát, Pháp thân Bồ Tát trong cõi Thật Báo. Các ngài thị hiện thành Thanh Văn, thị hiện thành cư sĩ, thành hộ pháp.

Đại quyền thị hiện, những người như vậy đều là Đại thánh, “Tịnh Ảnh Sớ” lại bảo là “Thần thông đã đạt”, nghĩa là có đủ sáu loại thần thông. “**Khen ngợi đức của họ thù thắng**; **việc làm thần dị**”, những hành động việc làm của họ nếu theo như lời chúng ta mà nói, là vô phương tưởng tượng, nên gọi là thần. “**Không bị úng trệ nên gọi là thông**”, không gì chướng ngại tức là đã thông đạt cả rồi. “**tức là thân thông**”, cơ thể họ có thể biến hóa; thân có thể biến to hoặc biến nhỏ, cũng có thể có thân hoặc không có thân.

“**Thiên nhãn**, **thiên nhĩ**, **tha tâm**, **túc mạng và lậu tận**”, “Lậu tận” là đã đoạn dứt kiến tư phiền não. “Vì vậy, thần nghĩa là chẳng đo lường được; thông nghĩa là vô ngại”, không gì chướng ngại được. “**Về chữ đạt**” thì chúng ta thường gắn chữ “**Thông đạt**” để mà dùng. “**Ngài Gia Tường giảng**: **đạt là chứng**”, đã đạt được, đạt đến cảnh giới này.

“**Chính là chứng Lục thông**, **Tam minh**”, “Lục thông” là chứng đắc của A La Hán. Tam minh là sở chứng đắc của Phật, Tam minh là gì? Lục thông đạt được rốt ráo viên mãn thì gọi là Tam minh. Chứng tỏ Pháp thân Bồ Tát, tuy người người đều chứng được Lục thông, nhưng mức độ Lục thông tuyệt không giống nhau. Thập trụ Bồ Tát không thể sánh với Thập hồi hướng, Thập hồi hướng Bồ Tát lại không bằng Thập địa, Thập địa Bồ Tát lại không bằng Đẳng Giác; tuy có Lục thông, nhưng vẫn tồn tại những cấp bậc không đồng. Nếu Đẳng Giác đem so với Phật, có một ví dụ để miêu tả, giống như nhìn trăng cách một bức màn vậy. Ngày xưa, những vật phẩm được dệt một cách cẩn thận tỉ mỉ nhất chính là vải the. Hàng tơ lụa, nó là xuyên thấu, bạn đem nó giăng ra thì có thể nhìn xuyên qua được. Nhưng vẫn là cách một lớp, cách một lớp màn mà ngắm ánh trăng, đây chính là Đẳng Giác Bồ Tát. Còn Phật thì sao? Phật là không còn bức màn đó nữa, cứ thế ngắm trăng thôi. Qua đó chứng tỏ, nhất định phải chứng quả vị Phật cứu cánh thì Lục thông Tam minh mới viên mãn.

“**Đương thời**, **ngài A Nan tuy chưa đắc lậu tận**; **nhưng do là đương cơ nên cũng kể trong số các vị này**”, A Nan vì sao cũng được xưng là Đại thánh? A Nan là Sơ quả, chỉ có thể xưng là “Thánh’ chứ không thể gọi là “Đại thánh” được. Ngài vẫn chưa chứng quả A La Hán, chưa hồi tiểu hướng đại, nhưng do thân phận A Nan đặc thù. Bởi vì trong bộ kinh này, nửa bộ đầu A Nan đại biểu đương cơ, đến nửa bộ sau thì di lặc Bồ Tát đương cơ, nên Ngài cũng được liệt vào một trong số hết thảy Đại thánh, cũng nói thần thông Ngài đã đạt rồi “**Đã hiểu biết trọn vẹn thần thông**”. Tất cánh tức là liễu giải triệt để “Nên cũng gọi là đã đạt”, đã đạt là triệt để liễu giải.

“**Do vậy**, **ngài A Nan cũng được nêu tên**, **hết thảy Đại thánh thần thông đã đạt**”, đoạn này cũng là tổng thuyết về “Tán đức”. Những hội thế này cùng với đại chúng trong hội đều là đại trí đại đức, mới có thể tin sâu, không nghi đối với pháp môn này; không có đại trí, đại đức họ sẽ không tin. Vì thế mới gọi là “Pháp khó tin”.

Chúng ta xem tiếp đoạn bên dưới “**Tiêu danh**”, chia thành năm đoạn nhỏ. Đoạn nhỏ thứ nhất “**Đệ nhất đắc độ**”, cái ý này rất sâu. Mời xem kinh văn: “**Tên các ngài là**: **tôn giả Kiều Trần Như**”, chúng ta xem trong rất nhiều kinh điển. Khi bạn mở ra, có thấytôn giả Kiều Trần Như không? Không thấy. Nhưng với bộ kinh này thì được kể tên đầu tiên: “Tôn giả Kiều Trần Như”, Ngài đại biểu cho cái gì? Kiều Trần Như là người đầu tiên chứng quả A La Hán. Thích Ca Mâu Ni Phật thành bậc Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, tức là thành Phật. Sau khi xuất định, Ngài đến vườn Lộc Uyển, tìm được năm người trong nhóm của Kiều Trần Như, thuyết Pháp cho họ. Kiều Trần Như là người đầu tiên chứng quả A La Hán. Chánh pháp chính thức xuất hiện tại thế gian. Có người thuyết Pháp, chính là Thích Ca Mâu Ni Phật; có người nghe Pháp, là năm vị Tỳ kheo; có tu hành, nghe rồi liền thật làm, áp dụng ngay vào việc tu hành. Có chứng quả, Kiều Trần Như chứng quả A La Hán, là người đầu tiên khi Chánh Pháp xuất hiện tại thế gian. Ngài đại biểu ý nghĩa gì? Đại biểu pháp môn niệm Phật là “***Pháp môn thành Phật đệ nhất***”, biểu thị cái ý này.

Chúng ta xem chú giải của Niệm lão: “**Tiếng Phạn là A lê gia (Arya)**, **dịch là thánh giả**”; dịch thành ý nghĩa Trung Quốc là thánh giả “**Tôn giả**, **tức là bậc trí đức đầy đủ đáng tôn trọng**”. Trí huệ lẫn đức hạnh của họ đều hết sức tôn quý, đáng được tôn trọng “**Cũng là tiếng tôn xưng A La Hán**”. Ngày nay, thông thường chúng ta quen gọi là tôn kính, cũng chính là mang cái ý này. Vì thế, trên kinh gọi là tôn giả Kiều Trần Như, vì Ngài đã chứng quả A La Hán.

Tịnh Ảnh Sớ có nói: “***Có đức đáng tôn trọng nên gọi là tôn giả***”. Điều kiện để chứng quả A La Hán chính là buông xả, buông xả kiến tư phiền não, năm loại kiến hoặc với năm loại tư hoặc. Kiến hoặc là thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến và tà kiến. Năm loại tư hoặc là “Tham, sân, si, mạn, nghi”, thảy đều buông bỏ hết, đoạn trừ sạch sẽ. Lúc này thì thế nào? Sẽ không còn thấy sáu nẻo luân hồi nữa. Siêu việt sáu nẻo luân hồi, chứng được cảnh giới này thì gọi là A La Hán, họ có khả năng thoát ly sáu nẻo luân hồi. Trên thực tế vẫn chưa ra khỏi, vẫn ở bên cạnh Thích Ca Mâu Ni Phật, vì đại chúng biểu pháp. Đây gọi là “Hữu dư y Niết Bàn”, chứ không phải “Vô dư y”, mà là “Hữu dư”; vẫn còn tồn tại cái thân này, nhưng bản thân họ có thể làm chủ nó. Lúc nào họ chứng được A La Hán, thì các ngài có thể ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Kiều Trần Như là người đầu tiên chứng quả.

“**Sách Hội sớ giảng**: **Tôn là tôn quý**, **có đức đáng quý nên gọi là tôn giả**”, “Đức” là gì? Có thể đoạn được phiền não thì gọi là “Đức”, cũng tức là chân thật có thể buông xả. Người bình thường làm không được, nhưng họ làm được. Phần này là giải thích “Tôn giả”, hai chữ này là cách xưng hô; còn phần sau là tên của Ngài: “Kiều Trần Như, tên gọi đủ trong tiếng Phạn là A Nhã Kiều Trần Như”. A Nhã là danh từ, Kiều Trần Như là họ; Kiều Trần Như dịch thành Hoa văn, gọi là “Liễu Bổn Tế”, cũng gọi là “Tri Bổn Tế”. “Liễu” là thấu suốt, có cùng nghĩa với chữ “Tri”, “**Hoặc là Dĩ tri**”, ý là đã biết rồi.

“**Hoặc là Vô tri**”, Vô tri không có nghĩa là không biết gì, mà là biết chẳng có gì hết. Vô tri còn gọi là biết “Cái không”, biết cái gì là “Không”? Biết sáu nẻo là “Không”, là giả mà thôi. Kinh Kim Cang có nói, các ngài biết: “**Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng**”, cũng biết rằng:“**Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn bào ảnh**”. Bởi vì các ngài “Biết” là “Không” nên các ngài có thể buông xả. Phàm phu vì sao không thể buông bỏ được vậy? Vì phàm phu đem “Không” cho thành “Có”. Họ cho rằng nó thật có, Lục đạo có thật, mười Pháp giới có thật. Vì vậy, họ vĩnh viễn không cách gì buông được, không cách gì thoát khỏi nó cả.

Trí tuệ của A La Hán cao hơn so với phàm phu, các ngài biết; bây giờ nhà khoa học cũng đã biết, nhưng họ chưa chứng đắc A La Hán. Tại sao? Vì tuy rằng họ biết, nhưng họ chưa buông được. A La Hán làm sao mà biết vậy? Vì trong lúc chìm sâu vào Thiền định mà nhận ra được, định lực của các ngài ở vào cấp thứ chín của Thiền định. Các bậc Thánh nhân ở thế gian, cõi Tứ Thiền có Thiền định, cõi Tứ Không Thiên cũng có Thiền định; định của cõi Tứ Không cao hơn so với cõi Tứ Thiền; Tứ Thiền, Tứ Không gọi là “Bát định”. Thiền định của thế gian không cách gì ra khỏi Lục đạo. Muốn ra khỏi sáu nẻo, công phu phải nâng lên nữa mới được.

Trong kinh Lăng Nghiêm bảo là “**Cửu thứ đệ định**”, nếu xếp theo thứ tự thì nó được xếp vào mức thứ chín. Bát định của của thế gian chỉ là nền tảng, đến tầng thứ chín mới ra khỏi sáu nẻo, đây được coi như thoát khỏi Lục đạo luân hồi. Đệ Cửu định là sở chứng đắc của A La Hán, đức Phật có đề cập vấn đề này trong kinh Lăng Nghiêm rồi. Bởi vậy, các ngài biết “***Thật tướng của vũ trụ nhân sinh***”, trong giáo lý Đại Thừa thì bảo là “**Thật tướng các pháp**”. Nhưng họ mới chỉ biết được một phần của thật tướng các pháp mà thôi, chưa hoàn toàn biết rõ hết, đây là Tiểu Thừa. Cấp bậc Thiền định theo như Đại Thừa, từ Sơ tín đến diệu giác, Quả địa của Như Lai, tổng cộng có 52 vị thứ. Sở chứng đắc của A La Hán, cấp bậc thứ nhất thuộc thàng Sơ tín, A La Hán là ở vào địa vị Thất tín. Chúng ta dùng “Thập tín” để so sánh với “Tứ quả”. Tứ hướng của A La Hán, liền thấy rất rõ. Định lực của Sơ quả là thuộc địa vị Sơ tín;hướng Nhị quả thuộc vào Bồ Tát ở địa vị Nhị tín; đến Nhị quả thì ở vào Bồ Tát địa vị Tam tín; hướng Tam quả thuộc vào Bồ Tát ở địa vị Tứ tín. Tam quả thì tương đương Bồ Tát Ngũ tín, hướng Tứ quả tương đương Bồ Tát Lục tín, Tứ quả A La Hán tương đương Bồ Tát Thất tín. Cứ sắp xếp như thế thì rất rõ ràng, định công được thọ dụng. Đến Tứ quả A La Hán tức là Bồ Tát Thất tín, họ đối với những việc trong Thập Pháp giới đều biết rõ ràng rành rẽ. Họ siêu việt Lục đạo luân hồi, vãng sanh đến Thanh Văn Pháp giới.

Trong Tứ Thánh Pháp giới, ở địa vị Thất tín; nếu nâng lên thêm một bậc nữa là Bích Chi Phật. Bích Chi Phật là Bát tín, cao hơn so với A La Hán. Quyền giáo Bồ Tát là Cửu tín; Thập tín “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, nâng lên đến Sơ trụ bên Viên giáo. Thập tín viên mãn là Viên giáo Sơ trụ, Viên giáo Sơ trụ là Pháp thân đại sĩ “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Vì vậy, sau khi chứng đắc A La Hán, thì đến Tứ Thánh Pháp giới, là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Vẫn còn bốn vị thứ, phải dùng thời gian rất dài, không thể nào bì nổi với Tịnh Độ.

Tịnh Độ, chúng ta thấy đó, một đời của Hải Hiền lão Hòa thượng, đây là dùng thời gian rất dài, đến 92 năm cho một câu Phật hiệu. Chúng ta quay đầu nhìn lại thử xem, đồ đệ vá nồi của lão Hòa thượng Đế Nhàn. Ông ấy cũng là một câu Phật hiệu, cũng không biết chữ. Ba năm thì vãng sanh, biết trước ngày giờ, đứng mà vãng sanh. Vãng sanh rồi vẫn còn đứng đó ba ngày, đợi lão Hòa Thượng đến lo hậu sự cho mình. Thành tựu của Thợ vá nồi, cùng với thành tựu của Hải Hiền lão Hòa thượng, hai trường hợp này tương đối thù thắng. Một người chỉ niệm có ba năm, cách niệm Phật thì giống nhau; chính là niệm mệt rồi thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp, ngày đêm không gián đoạn, cái này thì giống nhau.

Vì sao Hải Hiền lão Hòa thượng phải niệm tới 92 năm, còn Thợ vá nồi chỉ có ba năm? Nếu xét trên bề mặt mà nói, dường như người Thợ vá nồi thù thắng hơn. Nhưng nếu bạn quan sát tỉ mỉ một chút, thì Hải Hiền lão Hòa thượng thù thắng hơn. Vì sao? Điều kiện cần thiết để vãng sanh, công phu thành phiến là được rồi, đến đây nhất định được sanh. Công phu thành phiến, ba năm là có thể đạt được. Trong “Tịnh Độ Thánh hiền Lục” và “Vãng sanh truyện”, đây là những bằng chứng. Bạn xem, biết bao người niệm Phật ba năm là thành công. Đó không phải ngẫu nhiên, không phải mỗi người đều chỉ còn có ba năm thọ mạng. Cái đó nói không thông, vậy vì sao ba năm thành công? Ba năm là họ thành tựu. Còn thọ mạng nhưng họ không cần nữa, cái cõi này quá khổ rồi, ta thật muốn vãng sanh, Phật liền đến tiếp dẫn bạn. Đây là sự thật, không hề giả. Cho nên chúng ta biết, Ngài Hải Hiền thù thắng hơn so với Thợ vá nồi. Ngài Hải Hiền trụ ở thế gian này, nâng cao thêm cảnh giới ba năm là Ngài đã nắm trong tay điều kiện vãng sanh, nhưng Ngài không đi. Ở lại thế gian này tu hành, để nâng cao cảnh giới của mình.

Thế thì chúng ta liền nghĩ đến: Trong vòng ba, bốn năm Ngài có thể đạt đến “Sự nhất tâm bất loạn”, “Sự nhất tâm bất loạn” vãng sanh Thế Giới Cực Lạc; sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, chứ không phải cõi Đồng Cư. Ba năm mà vãng sanh thì phần lớn đều sanh vào cõi Đồng Cư, cái này coi như nâng cấp lên rồi. Đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, lại mất thêm dăm ba năm nữa. Ngài nâng lên đến Lý nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn chính là Pháp thân Bồ Tát, chính là “*Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”.

Vì vậy, Hải Hiền lão Hòa thượng nói với chúng ta, bạn hãy nghe chiếc đĩa của Ngài cho thật kỹ. Ngài bảo: **“*Tôi cái gì cũng biết***”, câu này không dễ gì, cái gì cũng biết là dành cho người nào? Là Pháp thân Bồ Tát. Nếu không phải “*Minh tâm kiến tánh*”, không dám nói cái gì cũng biết đâu. “***Cái gì cũng biết***”, qua đó chứng tỏ Ngài đã minh tâm kiến tánh, thứ Ngài đắc được ở pháp môn Tịnh Độ là “Lý nhất tâm bất loạn”, vãng sanh vào cõi Thật Báo của Thế Giới Cực Lạc. Vậy mà vẫn chưa vãng sanh, vẫn sống mãi đến 112 tuổi, vì sao? Vì A Di Đà Phật muốn Ngài biểu pháp.

Ngài bảo: “*Tôi mấy lần*”, câu “*Mấy lần*” này đã nói rõ: Ngài không chỉ thấy Phật có một lần, mà là nhiều lần thấy Phật. Tôi ước tính trong 92 năm, Ngài thấy Phật không ít hơn mười lần. Ngài cùng với Phật, với Thế Giới Cực Lạc, có quan hệ vô cùng mật thiết. Cũng là Phật để Ngài trụ thế biểu pháp, biểu pháp gì vậy? Chính là đem câu Phật hiệu này, đem bộ kinh Vô Lượng Thọ này; kinh Vô Lượng Thọ tuy Ngài chưa hề đọc qua, vì Ngài chưa từng đi học. Nhưng tất cả sự lý, nhân-quả, y chánh và quả báo trong kinh Vô Lượng Thọ, Ngài đều thực tiễn được hết. Như thế nào vậy? Do Ngài đã thấy qua rồi, Ngài từng chu du đến Thế Giới Cực Lạc rồi, nên Ngài chắc chắn thấy qua. A Di Đà Phật tán thán Ngài: “*Con tu hành không tệ*”, chữ “*Không tệ*” này có ý nghĩa gì? “Không tệ” chính là con có thể đem kinh Phật áp dụng vào trong cuộc sống, vào trong công việc; áp dụng ngay nơi xử sự, đối người, tiếp vật.

Người hiện nay chúng ta hay nói là: “***Học đi đôi với hành***”, đây là điều khó được nhất; nên Phật muốn Ngài biểu pháp, biểu pháp đặc biệt. Chính là đối với hoàn cảnh trước mắt của chúng ta, những năm qua, trong và ngoài nước, mọi người có sự phê bình, phản đối đối với bản hội tập. Trong lịch sử trước nay, chưa từng có bao giờ. Thời gian kéo dài mà lực lượng lại hùng hậu, gần như khiến mọi người không dám tin tưởng, làm cho biết bao người thối tâm khi học bản hội tập. Vấn đề này quá nghiêm trọng! Bản hội tập cùng bản chủ giải, tập chú của Niệm lão, khẳng định đây là pháp môn bậc nhất, giúp cho chúng sanh suốt chín ngàn năm thời kỳ Mạt pháp của Phật Thích Ca được đắc độ. Để lão Hòa Thượng đến biểu cái pháp này, Ngài nhất định phải nắm được trong tay quyển “*Nếu muốn Phật Pháp hưng, chỉ có Tăng khen Tăng*”, thì biểu pháp mới viên mãn. Sau khi biểu pháp này xong, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh. Ngài ngày ngày chờ đợi, đợi quyển sách này.

Họ cũng nêu ra rất rõ ràng, lão Hòa thượng biểu pháp, biểu pháp thứ nhất nói rõ: *Bổn hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là chân kinh*, chữ chữ câu câu đều là lời Phật nói, không có chen ý riêng của cụ Hạ vào trong đó. Biểu pháp thứ hai: *Tập chú của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là chánh giải*, giải thích không có sai lầm. Biểu pháp thứ ba, chính là *chúng ta đi giúp cho người*. Trong mười mấy năm qua, y theo bộ kinh này, y theo bộ chú giải này mà tu hành, đường đi lẫn phương hướng không hề sai. Để tỏ rõ cùng thiên hạ, khiến mọi người đối với những thứ này sanh khởi lòng tin, không thể tiếp tục hoài nghi. Niềm tin của chúng ta càng kiên định hơn, về sau sẽ hết lòng trọn ý; chỉ một bộ kinh, một câu Phật hiệu, quyết định vãng sanh Tịnh Độ. Ngài biểu cái pháp này cho chúng ta. Người Thợ vá nồi không có cái duyên ấy, Hiền Công lão Hòa thượng thì nhân duyên đầy đủ. Xuất gia thọ giới, người Thợ vá nồi chỉ xuất gia, không có thọ giới. Ngài Hải Hiền chính thức xuất gia thọ giới, làm trụ trì của một ngôi miếu nhỏ. Năm khóa mục tu hành của Tịnh tông chúng ta, Ngài đều làm được. Năm đó, Tịnh tông học hội được thành lập ở Mỹ, tôi có viết một bài duyên khởi, trong đó đưa ra “Hành môn năm khóa mục” dành cho đồng học Tịnh tông: Thứ nhất là “Tịnh nghiệp Tam phước”; thứ hai là “Lục hòa kính”; thứ ba là “Giới-định-huệ”, Tam học; thứ tư là “Lục Độ Ba la mật”; thứ năm là “Mười nguyện Phổ Hiền”. Rất dễ nhớ, nhiều quá mọi người nhớ không nổi, đây là điều mà người tu Tịnh Độ nhất định phải làm được. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, không được đi ngược lại những điều này, đây chính là đệ tử Di Đà.

Trong “Tịnh nghiệp Tam phước”, điều đầu tiên là “***Hiếu thân tôn sư***”, chúng ta áp dụng vào “Đệ Tử Quy”; “***Từ tâm bất sát***” áp dụng nơi “Cảm Ứng Thiên”. Phần sau là tu “Thập nghiệp thiện”, đây là Giới luật căn bản của Phật Pháp. Có mấy điều này rồi thì được! Thứ hai là “Lục hòa”, yêu cầu bản thân mình phải chung sống hòa mục với mọi người, đừng yêu cầu người khác phải hòa mục với mình. Cái này chúng ta cần giác ngộ, ta phải hòa mục với người khác, vì sao? Vì ta là đệ tử Phật, ta giác ngộ rồi. Người khác không thể hòa với ta, vì họ chưa giác ngộ. Dẫu đã xuất gia đi chăng nữa, xuất gia nhưng không hiểu Kinh giáo, bởi họ chưa học qua Kinh giáo. Còn chúng ta học rồi, chúng ta phải làm ra tấm gương để mọi người thấy. Đây là biểu pháp cho việc học tập cả đời của chúng ta. Tam phước, thứ hai là “***Thọ trì Tam quy****,* ***cụ túc chúng giới****,* ***bất phạm oai nghi***”.

Chúng ta chỉ lấy điều nhỏ nhất, đơn giản nhất để nói, chính là Sa Di Luật Nghi. Trong Sa Di Luật Nghi có mười giới và hai mươi bốn môn oai nghi. Ở vào cái thời này có thể làm được coi như không tệ, A Di Đà Phật cũng đã hài lòng lắm rồi. Tam học là “Giới-định-huệ”, nhân định khai huệ. Đây là những điều mà hết thảy chư Phật khắp mười phương Tam thế áp dụng khi hành Bồ Tát đạo, phải chú trọng nơi “Giới-định-huệ”.

Phải học “Lục Ba la mật”, học “Mười nguyện Phổ Hiền”, mong sao chúng ta biểu được cái pháp này. Tâm lượng phải mở ra, “**Tâm bao thái hư, lượng chu sa giới**”, tâm lượng mở ra là “Mười nguyện Phổ Hiền”. Khởi tâm động niệm giống như Phổ Hiền Bồ Tát, là suy nghĩ cho hết thảy chúng sanh biến Pháp giới hư không giới, tâm lượng thật rộng lớn. Ngày nay, chúng ta chỉ nghĩ cho mình thì không được, nghĩ cho mỗi đạo tràng của ta thôi cũng không được. Hay nghĩ cho Phật giáo thôi cũng không được, chí ít phải nghĩ cho toàn thể cư dân trên khắp địa cầu. Trái đất này mới có thể trở thành một thế giới thái bình thịnh thế, cư dân trên trái đất này là người một nhà. Giống như anh em tỷ muội vậy, phải tôn trọng lẫn nhau, thương yêu nhau, chăm lo cho nhau, chiếu cố đến nhau, cùng nhau hợp tác. Như thế thì thế giới này tốt đẹp biết dường nào!

Mọi nguồn tài nguyên trên trái đất, là tài sản cùng chung của mọi người. Trái đất trong ngàn vạn năm qua, nền văn hóa mà lão tổ tông truyền lại, tài sản văn hóa; bất kể là dân tộc nào, quốc gia nào, thảy đều là tài sản cùng chung trên trái đất. Không phải thứ mà riêng một quốc gia, một dân tộc nào có thể độc chiếm được. Trái đất phải trở thành người một nhà; không phải một nhà, liền sẽ có cạnh tranh, sẽ có đấu tranh, chiến tranh. Nếu đi vào con đường này, cạnh tranh, đấu tranh rồi chiến tranh, đều sẽ dẫn đến Tam đồ, chẳng phải chuyện tốt gì. Nên đi vào con đường Phật đạo, đi con đường của Thánh hiền, đời sau chúng ta về đâu? Đời sau sanh đến Thế Giới Cực Lạc làm Phật. Đời này chúng ta ở trên trái đất này, là cái thân sau cùng. Lần sau có đến là thân Bồ Tát, là hóa thân đến. Người như thế là gì? Là người giác ngộ rồi, không còn tạo nghiệp nữa.

Khởi tâm động niệm chỉ vì người, không vì mình. Có rất nhiều người hỏi, thế giới này liệu còn có thể có hòa bình không? Có! Làm sao không có được, nhưng chẳng ai tin. Đã nhiều năm như vậy rồi, năm nay tôi phát hiện rất nhiều người chịu tin rồi. Tôi phát hiện ở đâu vậy? Ở Unessco của liệp hiệp quốc tại Paris. Năm nay, họ tổ chức kỷ niệm Ngày lễ Phật đản của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi tại đây nhìn thấy và phát hiện, không ít đại sứ đại diện cho quốc gia có hứng thú đối với giáo dục Phật Đà, với giáo học tôn giáo. Điều này thật hiếm có. Lần đầu tiên tôi ở Paris tiến hành hoạt động. Năm 2006, lúc đó họ đối với tôn giáo, có thể nói là hoàn toàn không biết gì, cho rằng tôn giáo là mê tín, không quan tâm đến tôn giáo.

Hiện thời, mấy năm qua họ rất quan tâm đến tôn giáo, có hứng thú nghiên cứu, hứng thú thảo luận, đúng là chuyện tốt. Theo tôi nghĩ, duy chỉ có đoàn kết tôn giáo. Tôn giáo trở về với giáo dục, tôn giáo học tập lẫn nhau mới có thể hóa giải mọi xung đột trên trái đất, xúc tiến an định hài hòa. Tôn giáo hóa giải xung đột, không cần hai bên phải đứng ra hòa giải, không cần thiết, chỉ cần làm tròn bổn phận của mình là được. Chúng ta giảng Kinh giáo cho rõ ràng, rành mạch, thấu triệt. Hơn nữa, bản thân chúng ta ai nấy đều làm được; biểu hiện ngay trong cuộc sống, ngay nơi làm việc, biểu hiện ở xử việc, đối người tiếp vật. Đặc biệt biểu hiện ngay nơi tôn giáo, giữa các tôn giáo với nhau phải chung sống hòa mục. Thế giới này không cần phải mất quá nhiều thời gian, thì toàn thể trái đất này đều đi vào thời kỳ thái bình thịnh thế.

Người dân trên Quả địa cầu này, vĩnh viễn không còn có chiến tranh. Mọi người trên thế giới có thể trải qua một đời sống bình yên, hạnh phúc mỹ mãn, đây là sự cống hiến lớn nhất mà tôn giáo có thể làm cho thế giới, đây là sự nghiệp của chúng ta. Chỉ cần giảng kinh, đem kinh điển giảng giải một cách rõ ràng, minh bạch, thấu triệt. Vả lại, bản thân chúng ta làm được, là tốt rồi. Thế thì có cần hai bên phải đứng ra hòa giải không? Không cần. Họ mà nghe được, thấy được, tự nhiên sẽ hóa giải thôi. Cho nên “***Giáo học vi tiên***”, đoàn kết tôn giáo đưa lên hàng đầu, giáo học phải được đặt lên hàng đầu.

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**

**NHẤT MÔN THÂM NHẬP-TRƯỜNG KỲ HUÂN TU**

**LÃO THẬT NIỆM PHẬT**

**BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN**

**NHẤT TÂM NIỆM PHẬT-CẦU SANH TỊNH ĐỘ**

**THÀNH THẬT- NGHE LỜI – THẬT LÀM**

***XIN THƯỜNG NIỆM***

**A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT-A DI ĐÀ PHẬT**

